TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT
Ngày 12 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng bán nhà và thuê nhà

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Ông Lê Thanh Danh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng bán nhà và thuê nhà.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Chị Đặng Thị K, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Út N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1958 (có mặt).

4. Bà Lê Thị B, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T; cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Bà có nhận chuyển nhượng nhà và đất của anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K theo hợp đồng ngày 23/9/2015. Khi chuyển nhượng nhà và đất thì anh V có đến nhà bà để yêu cầu bán nhà và đất số tiền là 500.000.000 đồng. Sau đó, bà có đến xem và trả giá số tiền là 350.000.000 đồng (cả nhà và đất). Lúc này anh V, chị K và bà B không đồng ý. Khoảng 10 ngày sau, anh V mới điện thoại cho bà để bán nhà và đất với giá là 350.000.000 đồng. Bà cùng anh V, chị K đến phòng công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng đất. Đối với ba căn nhà không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên không có công chứng phần nhà nên bà và anh V về thỏa thuận viết giấy tay đối với hợp đồng chuyển nhượng ba căn nhà. Khi lập hợp đồng chuyển nhượng ba căn nhà, bà không biết trong đó có hai căn là của bà Đ và bà N. Còn việc anh V xác định hợp đồng chuyển nhượng đất, ba căn nhà và thuê nhà là hình thức của hợp đồng vay, hình thức tính lãi là do anh V nói khống vì việc chuyển nhượng đất là có công chứng và chứng thực rõ ràng. Bà yêu cầu anh V và chị K cùng bà Lê Thị B trả cho bà B căn nhà được cất trên phần đất diện tích là 257 m^2 tại thửa số 04 tờ bản đồ số 89 và tiền thuê ba căn nhà tính từ thời điểm ngày 23/9/2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K trình bày:

Anh V và chị K không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T với lý do:

Thứ nhất, đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/9/2015 thì đây chỉ là hình thức của hợp đồng vay tiền, vì không lập hợp đồng này thì bà T sẽ không cho vợ chồng anh chị vay số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất là 7.500.000 đồng/tháng. Nên vợ chồng anh chị ký hợp đồng chuyển nhượng đất diện tích là 257 m^2 tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 89 và bà T nói đây chỉ là hình thức giữ giấy và bà T cũng không có quyền đổi tên trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Sau khi lập hợp đồng này thì vợ chồng anh chị giữ một bản. Khi bà T đổi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không cho vợ chồng anh chị hay.

Thứ hai, đối với hợp đồng bán ba căn nhà do sau khi lập hợp đồng ngày 23/9/2015 do vợ chồng anh chị nợ tiền lãi bà T khoảng 07 đến 08 tháng số tiền khoảng 50.000.000 đồng, bà T có lên gặp vợ chồng anh chị và yêu cầu phải ghi giấy nội dung là để bán ba căn nhà cho bà T với số tiền là 200.000.000 đồng. Anh chị có hỏi vì sao để nợ 200.000.000 đồng thì bà T nói là tiền vay 150.000.000 đồng cộng với tiền lãi là 50.000.000 đồng nên có số tiền là 200.000.000 đồng. Ba căn nhà này là của gia đình anh chị một căn phía trước, hai căn còn lại là của bà Lê Thị Đ một căn và của bà Lê Thị Út N và ông Nguyễn Hữu H một căn. Việc viết giấy hợp đồng bán ba căn nhà do bà T đọc cho anh V ghi. Vợ chồng anh chị khẳng định không có nhận từ bà T 200.000.000 đồng.

Thứ ba, đối với hợp đồng thuê nhà thì đây là hình thức đóng lãi hàng tháng của số tiền vay 150.000.000 đồng (mỗi tháng là 7.500.000 đồng) chứ vợ chồng anh chị không có thuê nhà của bà T. Tờ giấy ghi hợp đồng thuê nhà lập ngày 23/9/2015 do bà T viết và vợ chồng anh chị ký tên. Tờ giấy này viết cùng ngày với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng anh chị đồng ý trả cho bà T số tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/9/2015 đến thời điểm hiện tại là mỗi tháng 7.500.000 đồng. Vợ chồng anh chị yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/9/2015; hợp đồng bán ba căn nhà lập ngày 23/9/2015 và hợp đồng thuê nhà lập ngày 23/9/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Út N và ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Bà N và ông H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy hợp đồng bán nhà và thuê nhà; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên tại thửa số 04 tờ bản đồ số 89 với lý do trong ba căn nhà mà anh V chuyển nhượng cho bà T có một căn nhà là của vợ chồng bà N và ông H (căn nhà thứ ba theo biên bản thẩm định ngày 25/08/2017) được cất trên phần đất do anh V đứng tên. Phần đất do anh V đứng tên có nguồn gốc là của cha mẹ ruột bà N, lúc đầu do ông Lê Văn H1 đứng tên, sau đó ông H1 chuyển lại cho bà N đứng tên và sau này bà N chuyển tên lại cho cháu Nguyễn Thanh V. Mục đích bà N chuyển cho anh V đứng để có giấy tờ thế chấp làm ăn. Nên thực tế đất anh Nguyễn Thanh V đứng tên nhưng đất và nhà là của vợ chồng ông bà quản lý và sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà Đ có yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và anh V, chị K tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 89. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên tại thửa số 04 tờ bản đồ số 89 và hủy một phần hợp đồng bán ba căn nhà do anh V và bà T lập vào ngày 23/09/2015 với lý do căn nhà thứ hai theo đo đạc thẩm định ngày 25/8/2017

là căn nhà của bà Đ, căn nhà này được cất trên phần đất do cha và mẹ ruột của bà Đ để lại còn lý do vì sao anh V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Đ không biết. Bà Đ cũng không có khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh V. Việc giao dịch giữa anh V và bà T thì bà Đ không biết, nếu anh V và chị K có giao dịch hay thế chấp, chuyển nhượng gì thì liên quan đến phần đất và nhà của anh V, chị K không được giao dịch liên quan đến đất và nhà của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Bà Lê Thị B thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị K.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày:

Về trình tự, thủ tục cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh V: Đến thời điểm hiện nay, Tòa án đã có yêu cầu gửi đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G để sao lục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh V nhưng đến nay vẫn chưa có hồ sơ nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho anh V là chưa có đủ cơ sở xác định đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc anh Nguyễn Thanh V có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 257m^2 thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 89 cho bà Nguyễn Thị Bé T và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã điều chỉnh sang tên cho bà T. Do các đương sự có tranh chấp về hợp đồng nên việc bà Lê Thị Đ và bà Lê Thị Út N có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Bé T đứng tên thì chúng tôi yêu cầu Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T về việc có yêu cầu anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K giao trả ba căn nhà được xây dựng trên phần đất diện tích là 257m^2 thuộc thửa số số 04 tờ bản đồ số 89 tại Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng bán nhà giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T và bị đơn Nguyễn Thanh V, Đặng Thị K lập ngày 23/09/2015

- Buộc bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng đất diện tích là 257m^2 đất thuộc thửa số 04 tờ bản đồ số 89 tại Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T về việc có yêu cầu anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/9/2015 và hợp đồng bán nhà ngày 23/9/2015.

- Buộc anh Nguyễn Thanh V, Đặng Thị K có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền:

Nhận chuyển nhượng đất là 150.000.000 đồng và tiền lãi 62.070.000 đồng.

Số tiền mua nhà 200.000.000 đồng và tiền lãi là 82.760.000 đồng.

Tổng cộng buộc anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé T là 494.830.000 đồng. Do bà T đã nhận từ anh V số tiền là 12.000.000 đồng nên đối trừ. Số tiền còn lại anh V và chị K có nghĩa vụ trả cho bà T là 482.830.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Út N và ông Nguyễn Hữu H về việc có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng bán nhà giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T và bị đơn anh Nguyễn Thanh V lập ngày 23/9/2015.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng bán nhà giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T và bị đơn anh Nguyễn Thanh V lập ngày 23/5/2015 là vô hiệu.

Hủy hợp đồng thuê nhà giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T và bị đơn anh Nguyễn Thanh V, chị Đặng Thị K lập ngày 23/9/2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà; buộc anh V, chị K và bà B giao trả nhà và đất; buộc hộ bà N và bà Đ tháo dỡ căn nhà để giao trả đất, tổng cộng phần đất diện tích 257m^2; đồng thời buộc anh V, chị K trả tiền thuê nhà mỗi tháng 7.500.000 đồng từ ngày 23/9/2015 đến khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự và nội dung mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo Đơn khởi kiện của bà T đề ngày 15/02/2017 yêu cầu anh Nguyễn Thanh V và chị Đặng Thị K trả lại cho bà 03 căn nhà được xây dựng trên đất do bà đứng tên tại thửa số 04, tờ bản đồ số 89 tọa lạc tại Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và trả tiền thuê nhà 15 tháng là 112.500.000 đồng và trả tiếp theo từ thời điểm ngày 15/02/2017 đến ngày xét xử. Tại Bản án số 42/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi ba căn nhà, còn yêu cầu trả tiền thuê nhà (với số tiền 380.000.000 đồng) thì Tòa án không giải quyết chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà T là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện. Do Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu tiền thuê nhà nên không xác định được ai là người phải chịu án phí cũng như số tiền án phí dân sự có giá ngach.

[3.2] Trong phần nhận định của của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng bán ba căn nhà là vô hiệu. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm, lại tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng bán ba căn nhà, đồng thời tuyên vô hiệu các hợp đồng này. Mặc dù, cùng một quan hệ tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xử lý, giải quyết 02 lần.

[3.3] Bà Nguyễn Thị Bé T xác định, vào ngày 23/9/2015 bà với vợ chồng anh V, chị K có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà. Khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất tại thửa số 04, tờ bản đồ số 89 với diện tích 257m^2 tọa lạc tại Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thì giữa bà với vợ chồng anh V, chị K có làm hợp đồng và được công chứng tại phường Hộ Phòng; còn giao dịch chuyển nhượng ba căn nhà trên đất chỉ thỏa thuận làm giấy tay. Xét thấy, đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các bên đã thực hiện hợp đồng bằng văn bản và có công chứng là phù hợp về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, phần đất mà các bên chuyển nhượng có một căn nhà của mẹ anh V (bà B), một căn nhà của bà Lê Thị Đ và một căn nhà của bà Lê Thị Út N và ông Nguyễn Hữu H. Cả ba căn nhà được xây cất từ lâu và không phát sinh tranh chấp. Việc bà T với vợ chồng anh V, chị K thực hiện giao dịch chuyển nhượng nhà nhưng những người có nhà không có ký tên và cũng không biết việc chuyển nhượng trong văn bản hợp đồng bán ba căn nhà ngày 23/9/2015 là xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, bà Đ, bà Út và ông H; vi phạm Điều 121 và 122 Luật Nhà ở năm 2014. Do nhà được xây dựng trên đất, khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, các bên biết có nhà được xây trên đất chuyển nhượng nhưng không thực hiện đúng trình tự, thủ tục

giao dịch về nhà ở. Do vậy, cần xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng bán ba căn nhà và thuê nhà bị vô hiệu theo Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng thuê nhà và buộc vợ chồng anh V phải trả cho bà T số tiền 494.830.000 đồng (trong đó số tiền lãi chuyển nhượng đất là 62.070.000 đồng và tiền lãi mua nhà là 82.760.000 đồng). Việc giải quyết này là chưa đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: *Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.* Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán nhà ngày 23/9/2015 vô hiệu là phù hợp, nhưng không xử lý hợp đồng vô hiệu mà tính lãi là xử lý không đúng về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo Điều 137 của Bộ luật Dân sự 2005 và hướng dẫn tại điểm c.3 khoản 2.3 Mục 2 Phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất và hướng dẫn tại khoản 2.4 mục 2 Phần I của Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán nhà ở vô hiệu.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục hồ sơ và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0001324 ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều